

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-ST.
Ngày: 06-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2023/QĐXXST – DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Q.

Địa chỉ: Tầng A (Tầng F) và tầng B, Tòa nhà S phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông K (vắng mặt), ông Nguyễn D (vắng mặt), ông Ngô V, sinh năm 1993 (có mặt), ông Nông T (vắng mặt) đều là người đại diện ủy quyền theo văn bản được xác lập ngày 21/02/2023.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng H, Tòa nhà P, phường J, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Ngô V trình bày:

Ngày 27/11/2018 Ngân hàng Q chi nhánh T và ông Nguyễn H thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 1011/HĐTD-VIB605/18 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/11/2018 với nội dung ngân

hàng Q cho ông Nguyễn H vay số tiền 367.000.000 đồng; mục đích vay vốn để thanh toán mua xe ô tô, nhãn hiệu: Honda, số loại city, biển số 83A-082.98; thời hạn vay 84 tháng từ ngày 28/11/2018 đến ngày 27/11/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm, lãi suất ưu đãi so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3%/năm và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nêu trên, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng Q tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm; Hoàn trả tiền gốc hàng tháng vào ngày 30 của tháng, trả tiền gốc 4.370.000 đồng cùng với thanh toán tiền lãi, tháng cuối trả phần còn lại; Hoàn trả lãi hàng tháng trả vào ngày 30, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 30/12/2018, trả phí theo quy định của ngân hàng Q từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khi vay thì ông H có thể chấp tài sản để đảm bảo khoản vay nhưng ngân hàng không có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H đã thanh toán cho ngân hàng Q số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là 323.905.692 đồng trong đó vốn gốc là 201.020.000 đồng và lãi là 122.885.692 đồng. Sau ngày 31/10/2022 thì ông H đã ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng đến nay, vì vậy ngân hàng Q đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 01/11/2022. Mặc dù, ngân hàng Q đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H không thực hiện.

Tại phiên tòa, ngân hàng Q yêu cầu ông Nguyễn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Q tổng dư nợ tính đến ngày xét xử 06/9/2023 là 199.190.062 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu, một trăm chín mươi nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng*) trong đó vốn gốc là 165.980.000 đồng, lãi trong hạn 1.260.731 đồng và lãi quá hạn là 31.949.331 đồng. Và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 07/9/2023 cho đến khi ông H trả dứt nợ cho ngân hàng.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn H vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn H được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn H vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn ông H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 1011/HĐTD-VIB605/18 và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 27/11/2018 thể hiện ông Nguyễn H có vay của ngân hàng Q số tiền 367.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng tín

dụng giữa ngân hàng Q và ông Nguyễn H là hoàn toàn tự nguyện. Thỏa thuận ông H trả vốn gốc cùng với lãi cho ngân hàng vào ngày 30 của tháng, trả hàng tháng, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng thì ông H mới chỉ thanh toán cho ngân hàng được số tiền 323.905.692 đồng trong đó vốn gốc là 201.020.000 đồng và lãi là 122.885.692 đồng đã ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng từ ngày 31/10/2022 là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo mục 1.5 của hợp đồng tín dụng mà ngân hàng và ông H đã ký kết ngày 27/11/2018 và mục số 7 của đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/11/2018 cho nên khoản nợ của ông H đã được ngân hàng Q chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/11/2022 là phù hợp quy định. Cho nên việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền nợ tính đến ngày 06/9/2023 là 199.190.062 đồng trong đó vốn gốc 165.980.000 đồng, lãi trong hạn 1.260.731 đồng và lãi quá hạn 31.949.331 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất quá hạn từ ngày 07/9/2023 đến khi ông H thanh toán xong nợ cho ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn H phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng Q được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí ông H phải chịu cụ thể: $199.190.062 \text{ đồng} \times 5\% = 9.959.500 \text{ đồng}$ (làm tròn). Ngân hàng Q không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q khởi kiện ông Nguyễn H về hợp đồng tín dụng.

2/ Buộc ông Nguyễn H trả cho Ngân hàng Q số tiền tổng cộng là 199.190.062 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu, một trăm chín mươi nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng*) trong đó vốn gốc là 165.980.000 đồng, lãi trong hạn 1.260.731 đồng và lãi quá hạn là 31.949.331 đồng.

Kể từ ngày 07/9/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 1011/HĐTD-VIB605/18 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/11/2018 cho đến khi khách hàng vay thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn H chịu án phí là 9.959.500 đồng (*Chín triệu, Chín trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm đồng*). Ngân hàng Q được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 4.340.000 đồng (*Bốn triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009286 ngày 12/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng